TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17- 01- 2024
V/v: *Yêu cầu không công nhận vợ chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quang

Ông Xồng Bá Nỏ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quang Lương Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Ng Th Th, sinh năm 1983. Có đơn xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: Bản C, xã Y Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Nơi làm việc: Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh L Tr K, sinh năm 1981. Có đơn xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: Bản C, xã Y Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Nơi làm việc: Trung tâm y tế huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ng Th Th trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh K tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2002 và được hai bên gia đình tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán của địa phương. Chị Th và anh K đều biết là phải đi đăng ký kết hôn

theo đúng quy định của pháp luật nhưng do cả hai đều bận rộn với công việc, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ làm việc cách xa nên vợ chồng không bố trí được thời gian để đi đăng ký kết hôn. Cách đây mấy năm chị Th rủ anh K đi đăng ký nhưng do công việc bận rộn nên tính đến thời điểm hiện tại vẫn chưa được đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh vào năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, xúc phạm nhau thậm tệ, càng chung sống vợ chồng càng phát sinh mâu thuẫn càng lớn, không còn tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, chung sống cùng một mái nhà nhưng không còn nói chuyện với nhau từ đầu năm 2022. Đến ngày 15/8/2023 chị Th chuyển ra ở riêng, vợ chồng cũng sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Th và anh K không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị Th và anh K là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Th và anh K có 02 con chung là cháu L Tr H, sinh ngày 11/3/2002 hiện cháu đang học năm cuối đại học tại trường đại học Hàng Hải, hiện cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu thứ hai là cháu L A H, sinh ngày 14/12/2012 hiện cháu đang học lớp 6 và sống với anh K, ông bà nội tại khối H Đ, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nếu Tòa án không công nhận chị Th và anh K là vợ chồng thì chị Th đồng ý giao cháu L A H, sinh ngày 14/12/2012 cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Chị Th và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải anh L Tr K trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh K và chị Th tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2002. Anh K và chị Th được bố mẹ hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Do hai vợ chồng bận rộn với công việc không có thời gian đi đăng ký kết hôn. Cách đây mấy năm vợ chồng anh K cũng có ý định đi đăng ký kết hôn nhưng do công việc nên tính đến thời điểm hiện tại vẫn chưa được đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh vào năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, xúc phạm nhau thậm tệ, càng chung sống vợ chồng càng phát sinh mâu thuẫn càng lớn, không còn tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, vợ chồng chung sống cùng một mái nhà nhưng không còn nói chuyện với

nhau, vợ chồng gặp nhau chỉ có thái độ hằn học. Đến ngày 15/8/2023 chị Th tự đi thuê trọ sống riêng nên vợ chồng cũng sống ly thân với nhau. Nay anh K đồng ý với ý kiến của chị Th, yêu cầu Tòa án không công nhận anh K và chị Th là vợ chồng.

- Con chung: Anh K và chị Th có 02 con chung cháu đầu là cháu L Tr H, sinh ngày 11/3/2002 hiện cháu đang học tập tại trường Đại học Hàng hải Hải Phòng, cháu hiện nay đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu thứ hai là cháu L A H, sinh ngày 14/12/2012 hiện cháu lớp 6 trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở huyện T D, tỉnh Nghệ An. Cháu Hà hiện đang sống chung với ông bà nội và anh K tại khối H Đ, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nếu Tòa án không công nhận anh K và chị Th là vợ chồng thì anh K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L A H và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kết quả xác minh tại UBND xã Yên Thắng, huyện T D, tỉnh Nghệ An: Qua kiểm tra sổ hộ tịch lưu trữ qua các giai đoạn thì không thấy có tên công dân Ng Th Th và L Tr K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện T D, tỉnh Nghệ An nên không có ngày tháng đăng ký kết hôn theo sổ lưu trữ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng Th Th cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ng Th Th và anh L Tr K; Về con chung: Cháu L Tr H, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Giao cháu L A H, sinh ngày 14/12/2012 cho anh L Tr K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Ng Th Th; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L Tr K có hộ khẩu thường trú tại bản C, xã Y Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Ng Th Th và anh L Tr K thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Tình trạng hôn nhân: Chị Th và anh K tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002, anh K và chị Th đều khai không được đi đăng ký kết hôn.

Tòa án cũng tiến hành xác minh tại ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện T D, tỉnh Nghệ An thì trong sổ hộ tịch lưu trữ qua các giai đoạn thì không thấy có tên Ng Th Th và L Tr K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện T D, tỉnh Nghệ An nên không có ngày tháng đăng ký kết hôn theo sổ lưu trữ.

Vì vậy, chị Th và anh K không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và tài liệu do tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định chị Ng Th Th và anh L Tr K chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002. Tại thời điểm chung sống chị Th và anh K đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu hai người chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị Th và anh K quan điểm sống khác nhau, nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ. Hiện nay chị Th và anh K đã sống ly thân từ ngày 15/8/2023, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt nên căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình thì không xác định chị Ng Th Th và anh L Tr K là vợ chồng, việc chị Ng Th Th yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L Tr K là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh K và chị Th có 02 con chung cháu đầu là cháu L Tr H, sinh ngày 11/3/2002 hiện cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu thứ hai là cháu L A H, sinh ngày 14/12/2012 hiện đang sống với anh K và anh K có

nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thảnh, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị Th đồng ý giao cháu L A H cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu L A H có nguyện vọng sống với anh K. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu L A H, sinh ngày 14/12/2012 cho anh L Tr K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L A H đủ 18 tuổi, trưởng thành, anh K không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị Ng Th Th và anh L Tr K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ng Th Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cáo và Bộ tư pháp.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ng Th Th và anh L Tr K.

2. Về con chung:

- Cháu L Tr H, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Giao cháu L A H, sinh ngày 14/12/2012 cho anh L Tr K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Th;

- Chị Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Ng Th Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0005129 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Ái